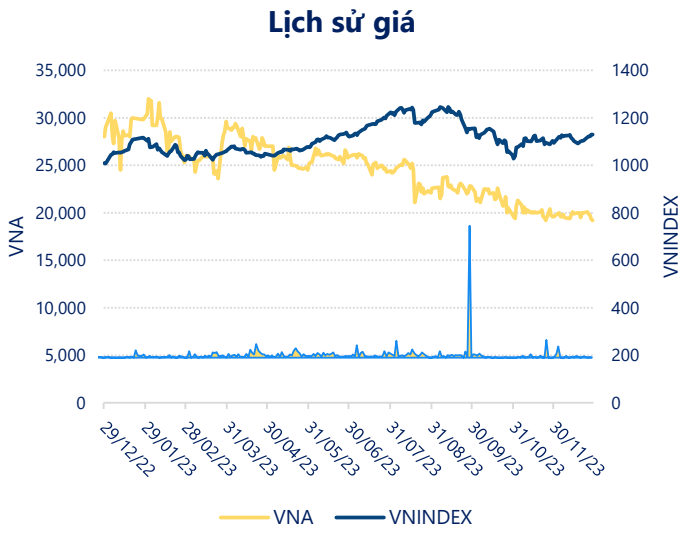
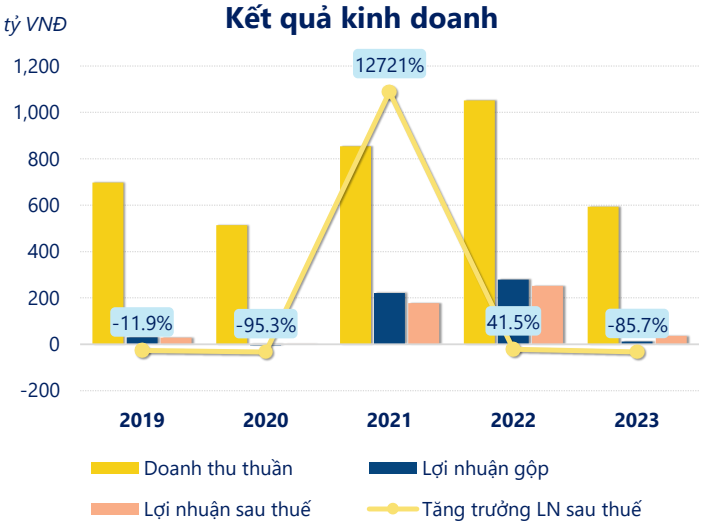
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 29/12/2023	19,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.0%	-	-

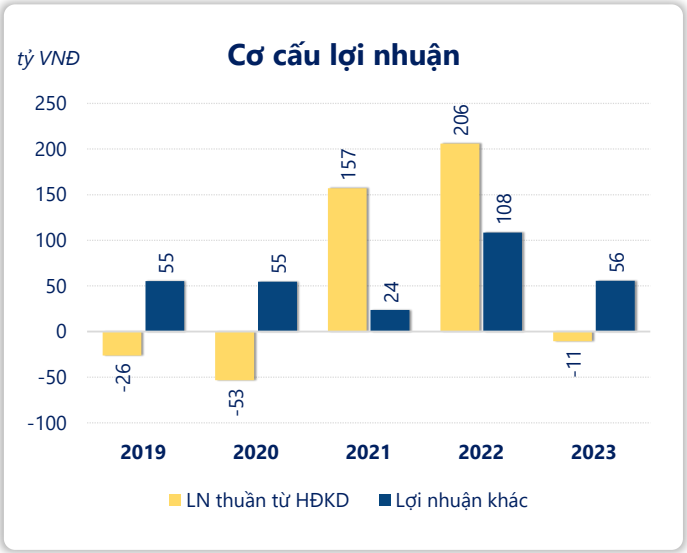
	2023	YoY
DT thuần	**594** *tỷ VNĐ*	▼ 458 ▼ 43.5%
LN gộp	**12.5** *tỷ VNĐ*	▼ 267 ▼ 95.5%
LN thuần	**-10.6** *tỷ VNĐ*	▼ 217 ▼ 105%
LN sau thuế	**36.0** *tỷ VNĐ*	▼ 216 ▼ 85.7%
ROE	**7.1%**	+/- YoY ▼ 61.2%
ROA	**5.3%**	+/- YoY ▼ 29.4%

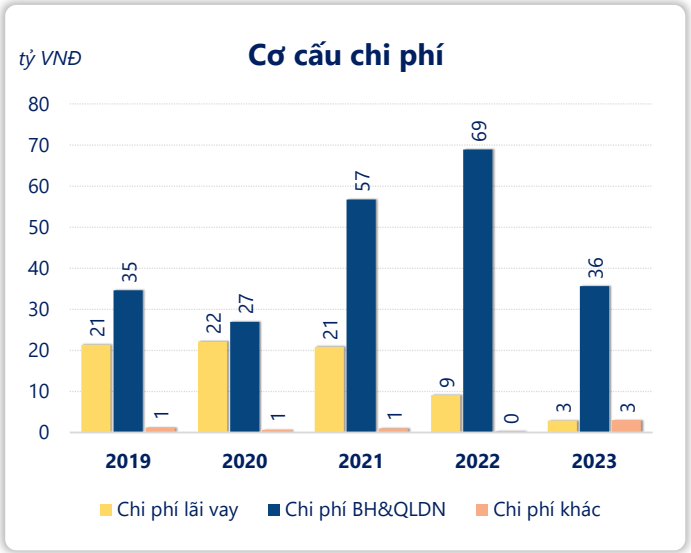




Kết quả kinh doanh **VNA** năm **2023**, doanh thu thuần **giảm mạnh 43.5%** chỉ còn **593.8** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 85.7%** chỉ còn **36.03** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **7.13%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

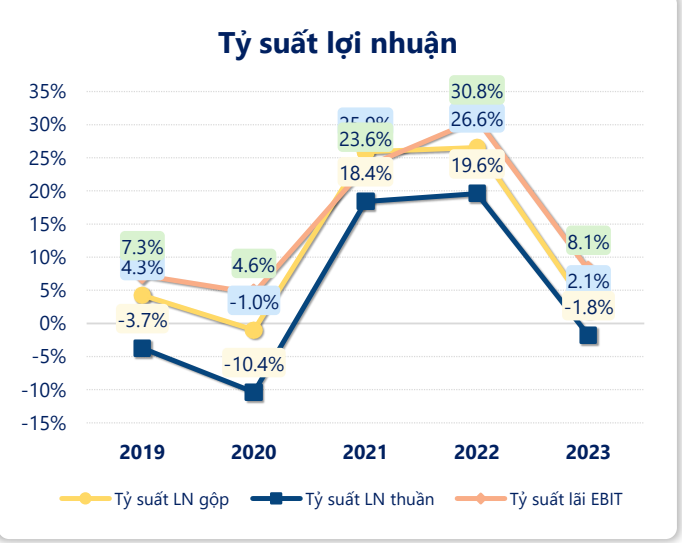


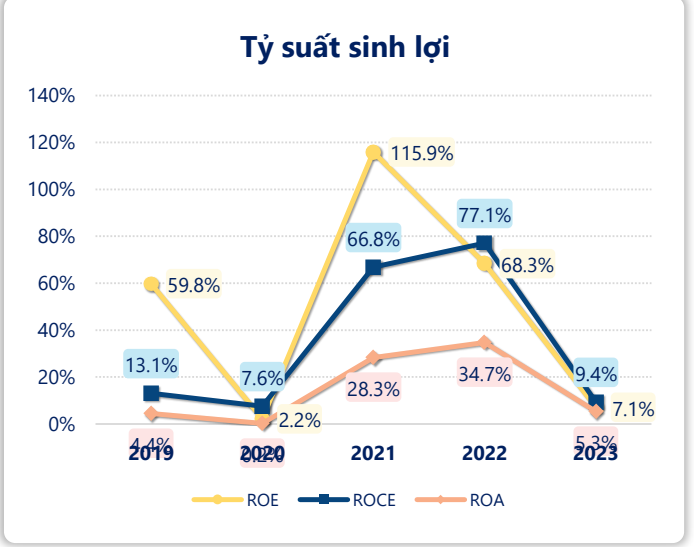


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **VNA** năm **2023 giảm đi 216.7** tỷ so với năm trước, ghi nhận khoản lỗ 10.62 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2020** là 53.26 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

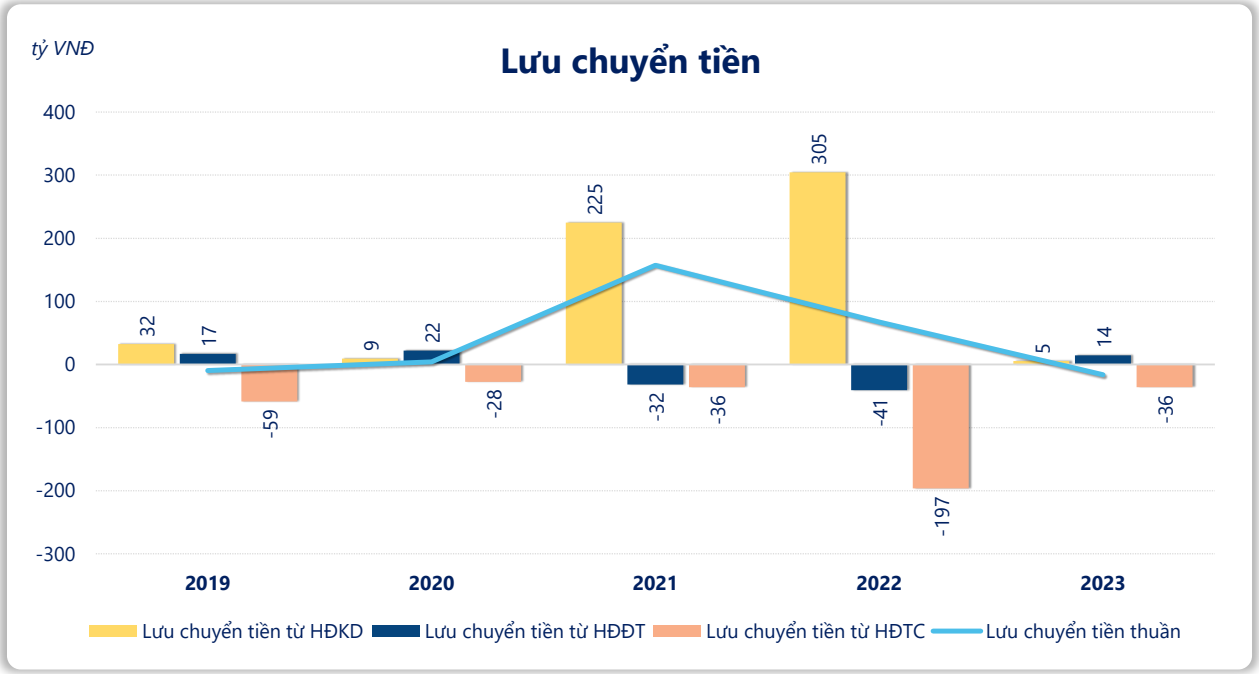
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **2.86** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **35.64** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **3.04** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của VNA năm 2023 **giảm** so với năm trước còn **7.13%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**698**	**513**	**853**	**1,052**	**594**
Giá vốn hàng bán	668	518	632	772	581
Lợi nhuận gộp	**29.7**	**-5.04**	**221**	**279**	**12.5**
Doanh thu HĐTC	1.73	1.71	15.6	12.8	21.3
Chi phí TC	23.0	23.0	22.8	17.0	8.84
Chi phí lãi vay	**21.4**	**22.2**	**20.8**	**9.13**	**2.86**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	10.9	7.31	22.3	22.2	11.8
Chi phí QLDN	23.7	19.7	34.4	46.7	23.8
LN thuần từ HĐKD	**-26.1**	**-53.3**	**157**	**206**	**-10.6**
Lợi nhuận khác	55.4	54.7	23.8	108	55.7
LN trước thuế	**29.3**	**1.40**	**181**	**315**	**45.1**
Lợi nhuận sau thuế	**29.3**	**1.39**	**178**	**252**	**36.0**
LNST của CĐ cty mẹ	**29.3**	**1.39**	**178**	**252**	**36.0**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của VNA bằng **-16.26** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2022 (67.15 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **5.35** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **14.40** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-36.02** tỷ đồng.